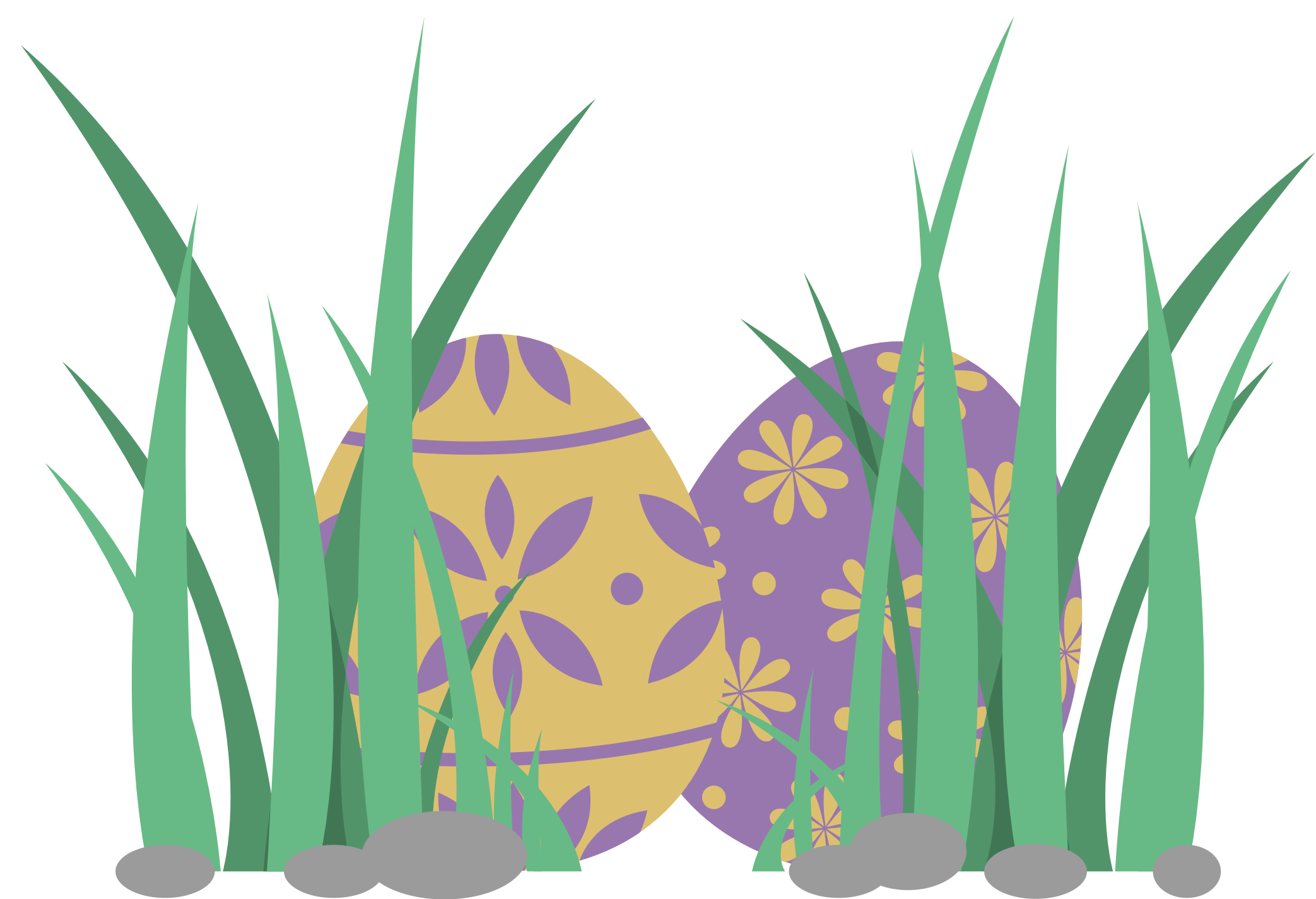
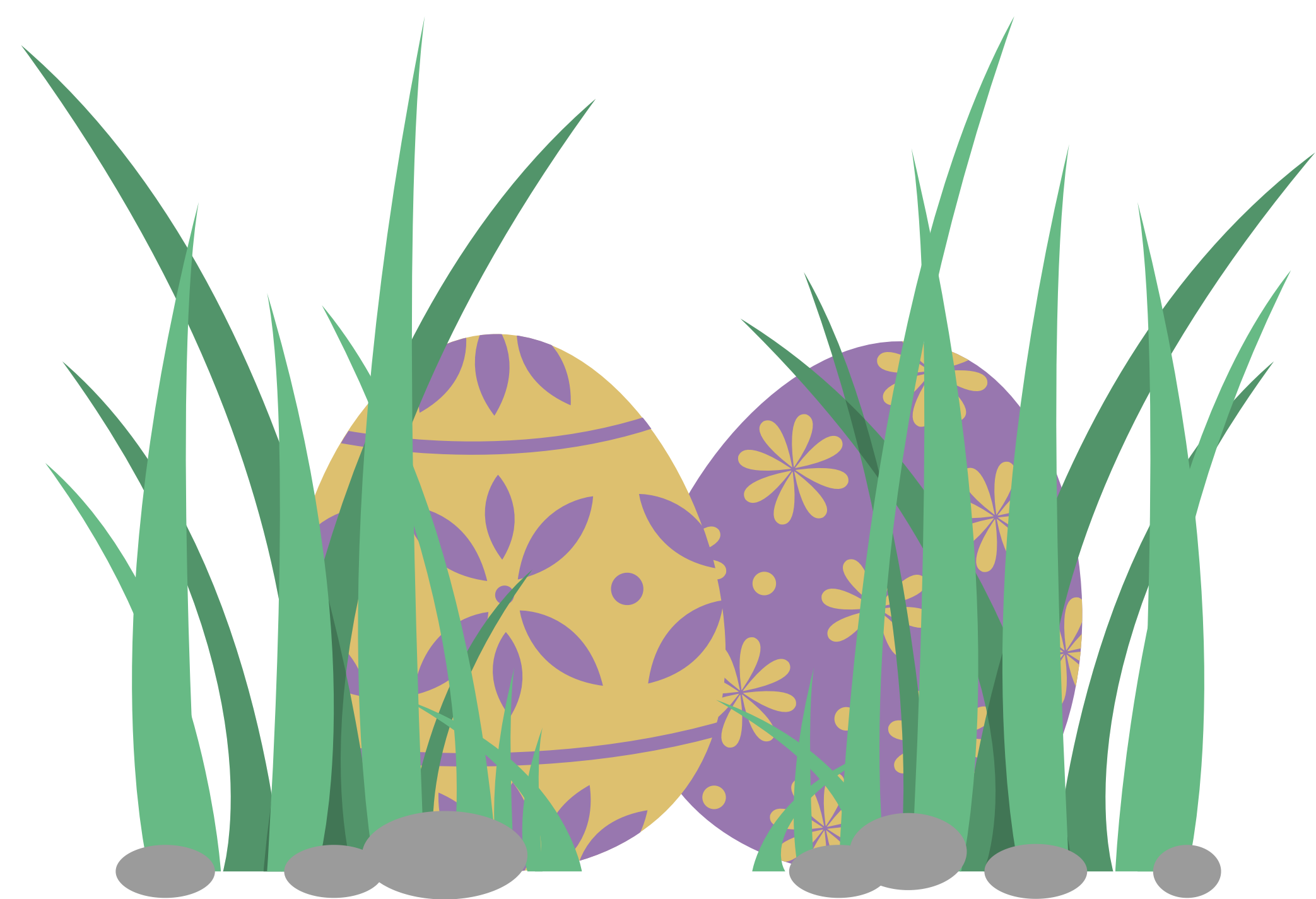


# 复活节



fùhuójíe

# Easter



兔子



tùzi

Rabbit



小羊

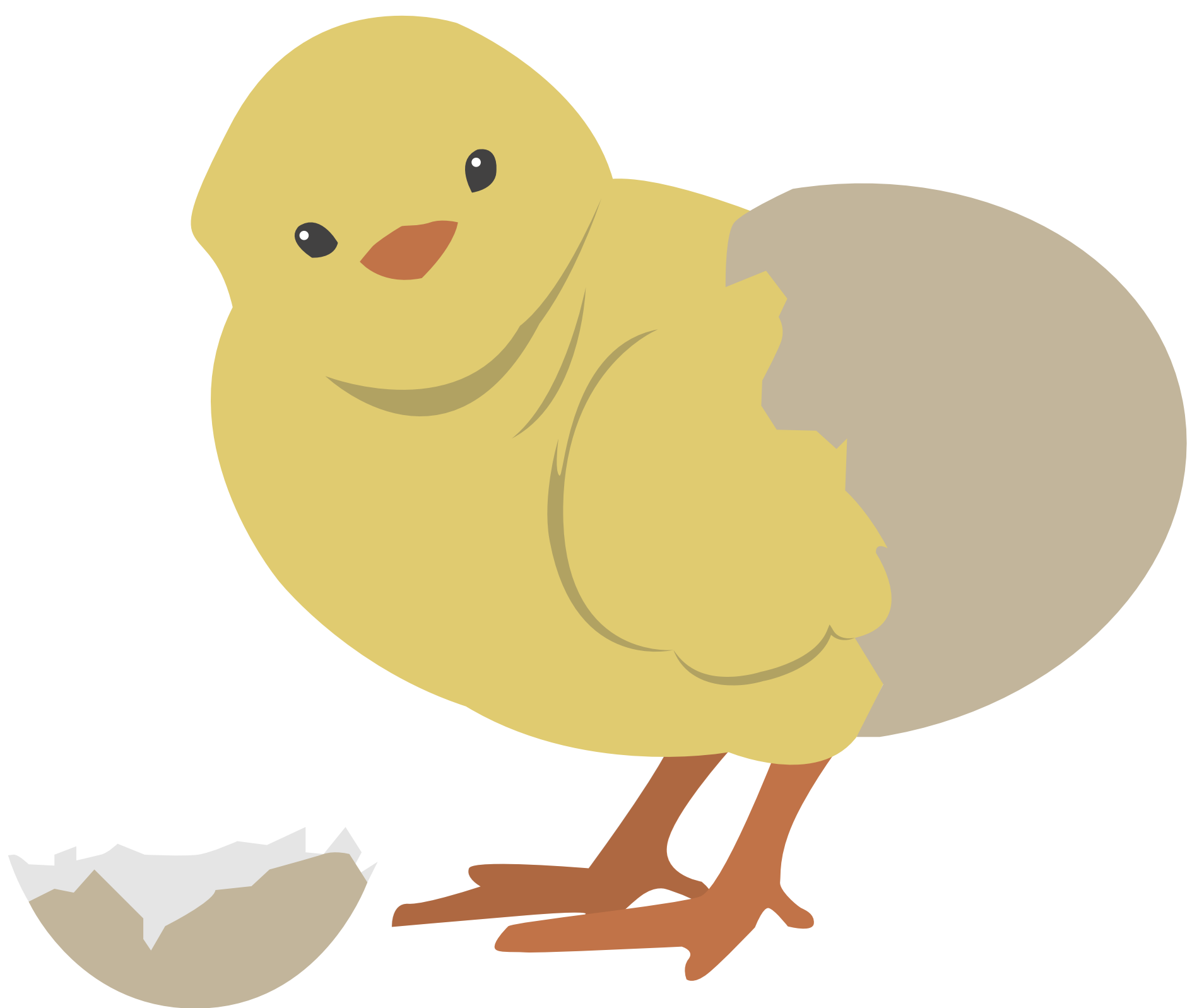


xiǎoyáng

Lamb

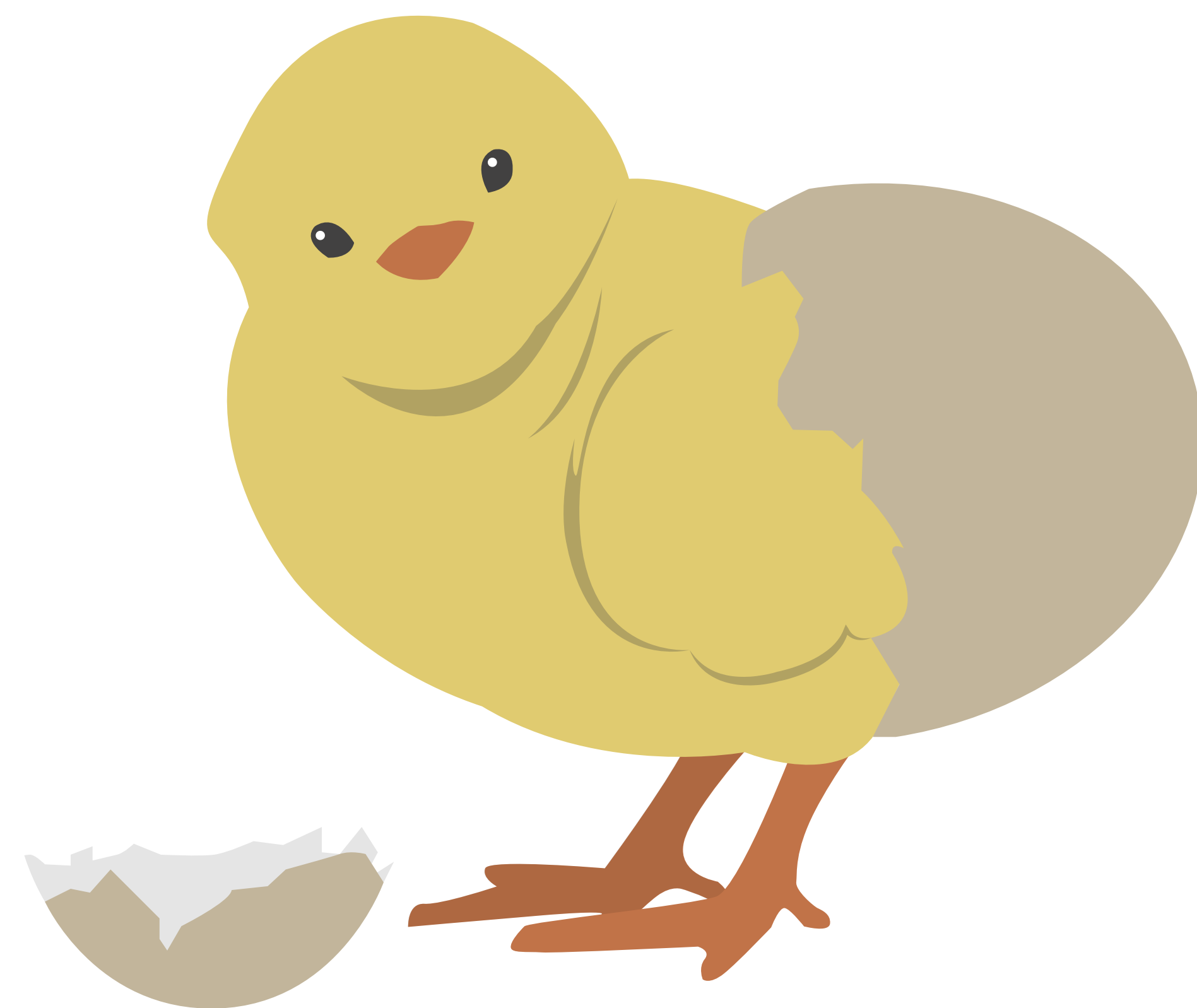


小鸡



xiǎojī

Chick



蛋



dàn

Egg



# 巧克力



qiǎokèlì

# Chocolate



水果



shuǐguǒ

Fruit



蔬菜



shūcài

Vegetables





篮子



lánzi

Basket



彩虹

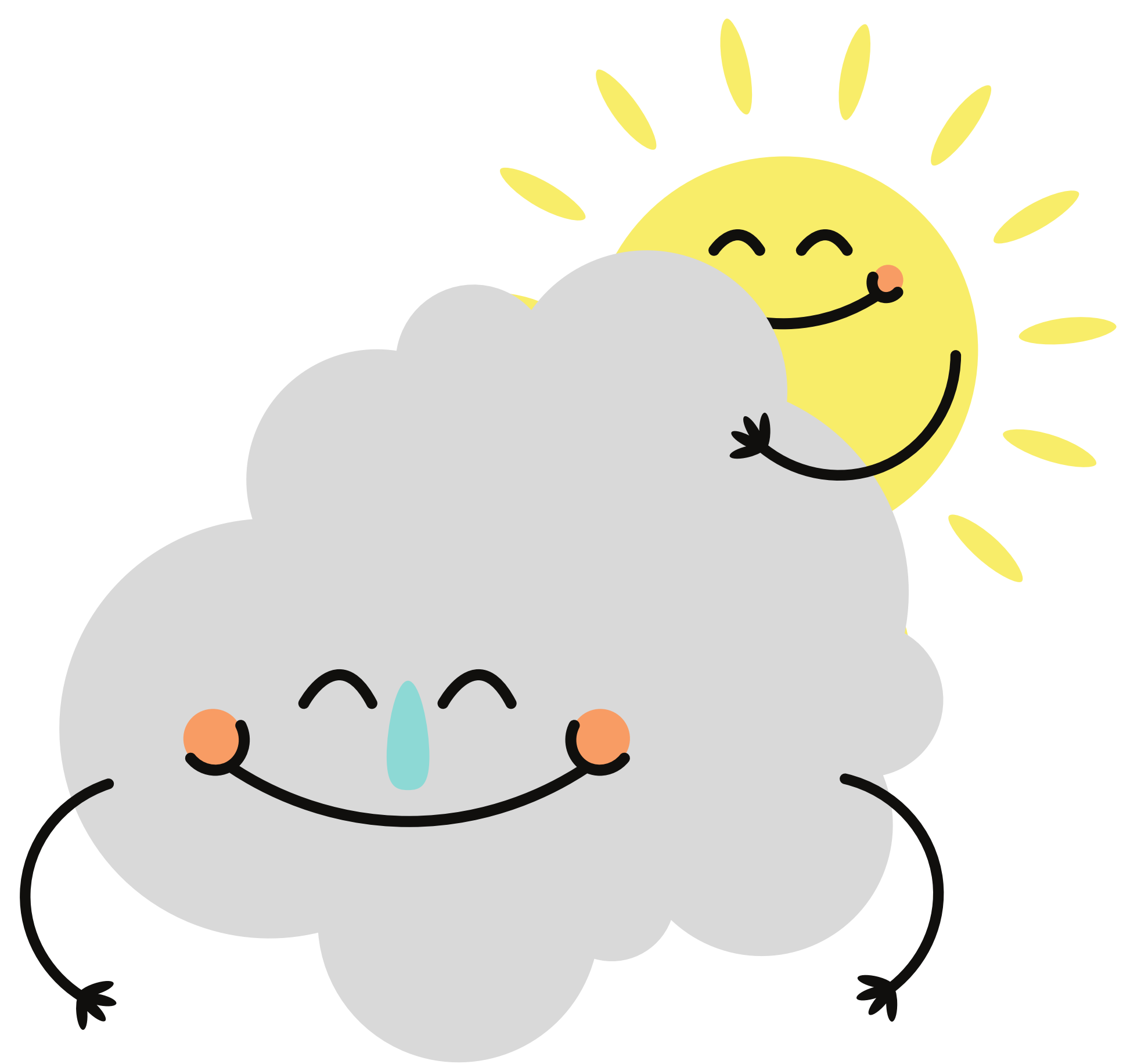


cǎihóng

Rainbow

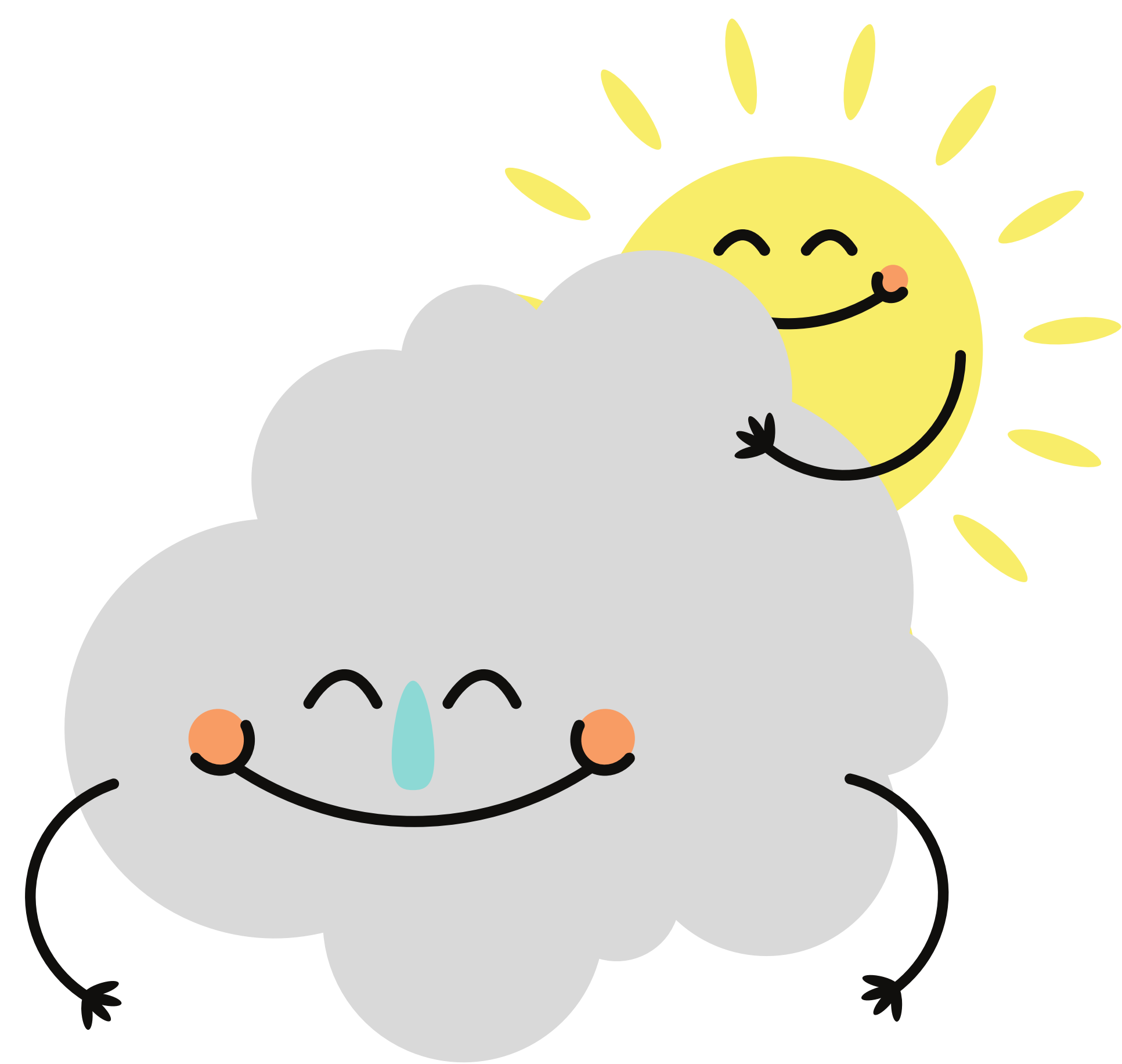


藏



cáng

Hide



找



zhǎo

Find / Seek



哪里



nǎli

Where



教堂



jiàotáng

Church



# 十字包



shízì bāo

# Hot cross bun

